

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 471/2024/NQ-HĐND

Hòa Bình, ngày 06 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng và xử lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hòa Bình

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 23

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại các cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Nghị định số 138/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng;

Xét Tờ trình số 196/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết Quy định thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng và xử lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hòa Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách của Hội đồng

nhân dân tỉnh; Báo cáo tiếp thu giải trình của Ủy ban nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng và xử lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hòa Bình.

Điều 2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 97/2018/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hoà Bình ban hành Quy định phân cấp quản lý, sử dụng, xử lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hòa Bình và Nghị quyết số 64/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hoà Bình sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 97/2018/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hoà Bình ban hành Quy định phân cấp quản lý, sử dụng, xử lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hòa Bình.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật, đảm bảo bảo chặt chẽ, hiệu quả.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình Khoá XVII, Kỳ họp thứ 23 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 12 năm 2024./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính; KH&ĐT;
- Vụ pháp chế, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh ;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Huyện uỷ, Thành uỷ, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- LĐ Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- TT Tin học và Công báo VP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- LĐ và CV các Phòng CM;
- Lưu: VT, CTHĐND (M).

CHỦ TỊCH

Bùi Đức Hình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng và xử lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hòa Bình.

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 471 /2024/NQ-HĐND
ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hoà Bình)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định về thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, khai thác, xử lý (thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại) tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước; thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hòa Bình.

2. Quy định này không điều chỉnh đối với việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước.

3. Đối với tài sản công thuộc Danh mục mua sắm tập trung theo quy định về mua sắm tập trung thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về mua sắm tập trung.

4. Đối với việc mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hòa Bình thực hiện theo quy định của pháp luật khác có liên quan không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, gồm: Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Tổ chức, gồm: Văn phòng Thành ủy, Huyện ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về Hội.

3. Đơn vị, gồm: Đơn vị quản lý nhà nước thuộc sở, ban, ngành; đơn vị quản lý nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Đơn vị sự nghiệp công lập, gồm: Đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở, ban, ngành.

Đối với cơ quan của Đảng là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện: Việc mua sắm, thuê, xử lý tài sản công (thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại) áp dụng đối với tài sản hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước.

5. Tổ chức, cá nhân khác liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công (sau đây gọi chung là các cơ quan, tổ chức, đơn vị).

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 3. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản công đối với:

a) Tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

b) Tài sản là tàu, thuyền; xe ô tô các loại;

c) Tài sản công khác có tổng dự toán mua sắm từ 10 tỷ đồng trở lên/01 lần mua sắm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm thường xuyên và chi đầu tư) từ nguồn ngân sách cấp tỉnh bao gồm cả nguồn ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu và các nguồn thu hợp pháp khác.

2. Đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh:

a) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh quyết định mua sắm tài sản công có tổng dự toán mua sắm từ 03 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng/01 lần mua sắm; gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị không quá 03 tỷ đồng nhưng trong danh mục mua sắm có tài sản có giá trị từ trên 500 triệu đồng đến 01 tỷ đồng/đơn vị tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ tài sản thuộc thẩm quyền quyết định mua sắm của Ủy ban nhân dân tỉnh, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên theo quy định tại điểm c1 khoản 2 Điều 37 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 30 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ) từ nguồn ngân sách cấp tỉnh bao gồm cả nguồn ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu và các nguồn thu hợp pháp khác.

b) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh (thủ trưởng các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh) quyết định việc mua sắm tài sản công đối với các trường hợp không thuộc quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

3. Đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã.

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm tài sản công có tổng dự toán mua sắm từ 01 tỷ đồng trở lên/01 lần mua sắm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (bao gồm cả cấp xã).

b) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mua sắm tài sản công có tổng dự toán mua sắm dưới 01 tỷ đồng/01 lần mua sắm.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định mua sắm vật tư tiêu hao phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập.

1. Đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh

a) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định mua sắm vật tư tiêu hao có tổng dự toán mua sắm từ 03 tỷ đồng trở lên tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ tài sản thuộc thẩm quyền quyết định mua sắm của Ủy ban nhân dân tỉnh, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư) từ nguồn ngân sách cấp tỉnh bao gồm cả nguồn ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu và các nguồn thu hợp pháp khác.

b) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh (thủ trưởng các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách tỉnh) quyết định việc mua sắm vật tư tiêu hao có tổng dự toán đến dưới 03 tỷ đồng đối với các trường hợp không thuộc quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm vật tư tiêu hao có tổng dự toán mua sắm từ 01 tỷ đồng trở lên/01 lần mua sắm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý từ nguồn ngân sách cấp huyện bao gồm cả nguồn ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu và các nguồn thu hợp pháp khác (bao gồm cả cấp xã).

b) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mua sắm vật tư tiêu hao có tổng dự toán mua sắm dưới 01 tỷ đồng/01 lần mua sắm.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản để phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên)

1. Thẩm quyền quyết định thuê trụ sở làm việc và cơ sở hoạt động sự nghiệp:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê trụ sở làm việc và cơ sở hoạt động sự nghiệp đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (bao gồm các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc).

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê trụ sở làm việc và cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; cơ sở hoạt động sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, đơn vị sự nghiệp công lập quyết định thuê tài sản trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này từ nguồn kinh phí được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật, đảm bảo phù hợp với tiêu chuẩn, định mức theo quy định hiện hành.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khai thác tài sản công là nhà ở công vụ, tài sản công sử dụng làm vị trí lắp đặt, xây dựng công trình viễn thông, tài sản là di tích lịch sử - văn hóa, di tích lịch sử gắn với đất thuộc đất xây dựng trụ sở cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định khai thác tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, thuộc phạm vi quản lý theo quy định danh mục quy định tại khoản 7 Điều 1 và khoản 37 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ (trừ các danh mục tài sản quy định tại khoản 1 Điều này)

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh (trừ người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên) quyết định khai thác tài sản thuộc phạm vi quản lý theo danh mục quy định tại khoản 7 Điều 1 và khoản 37 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ (trừ các danh mục tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

Điều 7. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô, tàu, thuyền các loại của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh trong các trường hợp phải thu hồi quy định tại khoản 1 Điều 41 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Sở Tài chính quyết định thu hồi đối với tài sản công khác (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh trong trường hợp phải thu hồi quy định tại khoản 1 Điều 41 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản công khác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trong các trường hợp phải thu hồi quy định tại khoản 1 Điều 41 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công từ cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi tỉnh quản lý sang cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, điều chuyển giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hòa Bình (không phân biệt cấp quản lý), gồm:

a) Tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, các tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

b) Tài sản là tàu, thuyền; xe ô tô các loại.

2. Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công khác giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện; giữa Ủy ban nhân các huyện, thành phố (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản công khác (trừ tài sản công quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này) giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công, thẩm quyền quyết định phê duyệt giá trị thu hồi sau thanh lý của tài sản công theo hình thức bán được thực hiện theo quy định tại Điều 10 của Quy định này.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công theo quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 43 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đối với tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và các tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô, tàu, thuyền của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh (không phân biệt cấp quản lý).

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập quyết định bán tài sản công khác (trừ tài sản công quy định tại khoản 2 Điều này) có nguyên giá từ 100 triệu đồng trở lên /01 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

4. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản quyết định bán tài sản công khác (trừ tài sản công quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này) thuộc phạm vi quản lý.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý:

a) Tài sản công là nhà thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và các tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có

nguyên giá trên sổ sách kế toán từ 10 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị (không phân biệt cấp quản lý).

b) Tài sản là tàu, thuyền, xe ô tô các loại.

2. Đối với tài sản công là nhà làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, công trình kiến trúc khác không gắn với chuyên quyền sử dụng đất có nguyên giá trên sổ sách kế toán dưới 10 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản và các tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản (trừ các tài sản quy định tại khoản 1 Điều này):

a) Sở Tài chính quyết định thanh lý đối với tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý đối với tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý (bao gồm cả cấp xã).

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công quyết định thanh lý và tổ chức thực hiện thanh lý đối với các tài sản công khác (trừ các tài sản quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này).

4. Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định thanh lý tài sản công khác được giao quản lý, sử dụng theo đúng quy định tại Điều 51 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 11. Thảm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy đối với tài sản công có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản theo quy định tại Điều 46 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đối với các tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định tiêu hủy đối với tài sản công có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản theo quy định tại Điều 46 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đối với các tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Ủy ban nhân dân huyện quyết định tiêu hủy đối với tài sản tài sản công có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản theo quy định tại Điều 46 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đối với các tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý.

4. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, đơn vị sự nghiệp công lập được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công quyết định tiêu hủy tài sản công thuộc đối tượng phải tiêu hủy theo quy định của pháp luật quyết định tiêu hủy tài sản công (trừ các tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này).

5. Đối với các loại tài sản bị tịch thu phải tiêu hủy theo quy định của pháp luật thì thực hiện theo các văn bản pháp luật chuyên ngành và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 12. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý đối với tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; tàu, thuyền; xe ô tô các loại.

2. Đối với các tài sản là máy móc, thiết bị làm việc và các động sản khác không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này:

a) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định đối với tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của đơn vị mình và các đơn vị trực thuộc;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đối với tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của các dự án

Thẩm quyền quyết định phương án giao, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản phục vụ hoạt động dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc địa phương quản lý thực hiện theo quy định tại các Điều 8, 9, 10, 11, 12 của Quy định này.

Điều 14. Thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với:

a) Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy; bất động sản vô chủ; bất động sản không có người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên là di tích lịch sử - văn hóa; tài sản của các vụ việc xử lý quy định tại khoản này bao gồm cả bất động sản hoặc di tích lịch sử - văn hóa và động sản;

b) Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc dự án hoạt động.

c) Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giải thể.

d) Tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh ký hợp đồng dự án.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện bị giải thể do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giải thể.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện ký hợp đồng dự án.

4. Đối với tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương, trừ các tài sản quy định tại Khoản 2 khoản 3 Điều 7 Nghị định 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân (Sau đây gọi tắt là Nghị định số 29/2018/NĐ-CP):

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản là nhà, đất, công trình xây dựng gắn liền với đất; xe ô tô, tàu, thuyền và các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị (không phân biệt cấp quản lý).

b) Tài sản khác (trừ các tài sản quy định tại điểm a, khoản 4 Điều này):

- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản khác (trừ các tài sản quy định tại điểm a, khoản 4 Điều này), động vật sống, động vật hoang dã, động vật không xác định được giá trị.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản khác (trừ các tài sản quy định tại điểm a, khoản 4 Điều này) động vật sống, động vật hoang dã, động vật không xác định được giá trị thuộc phạm vi quản lý.

5. Trường hợp một vụ việc bao gồm nhiều loại tài sản cần xác lập quyền sở hữu toàn dân liên quan đến nhiều cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này thì Ủy ban nhân dân tỉnh là người quyết định xác lập quyền sở hữu đối với vụ việc.

Điều 15. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản là nhà, đất; xe ô tô, tàu, thuyền và các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc địa phương (theo Chương II Luật xử lý vi phạm hành chính) ban hành quyết định tịch thu.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý tài sản khác có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã ban hành quyết định tịch thu.

c) Sở Tài chính phê duyệt phương án xử lý tài sản khác có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền (theo Chương II Luật xử lý vi phạm hành chính) ban hành quyết định tịch thu (trừ điểm b, khoản 1 Điều này); tài sản không xác định được giá trị.

2. Tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu theo quy định của pháp luật về hình sự, tố tụng hình sự và đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền,

chuyển giao cho Sở Tài chính và Phòng Tài chính – Kế hoạch cấp huyện (trừ các tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP) bao gồm: Nhà đất, công trình, vật kiến trúc gắn liền với đất; xe ô tô, tàu, thuyền; tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

b) Sở Tài chính phê duyệt phương án xử lý tài sản có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản do cơ quan Thi hành án chuyển giao cho Sở Tài chính (trừ công trình, vật kiến trúc trên đất; xe ô tô, tàu, thuyền; tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản); tài sản không xác định được giá trị.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý tài sản có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản do cơ quan Thi hành án chuyển giao cho Phòng Tài chính- Kế hoạch cấp huyện (trừ công trình, vật kiến trúc trên đất; xe ô tô, tàu, thuyền; tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản).

3. Tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, di sản không có người nhận thừa kế, hàng hóa tồn đọng (trừ trường hợp thuộc phạm vi các điểm a, b, d khoản 3 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP của Chính phủ) như sau:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, hàng hóa tồn đọng.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản là tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, di sản không có người nhận thừa kế.

4. Tài sản do các Tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao sở hữu cho Nhà nước:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phương án xử lý tài sản đối với tài sản là bất động sản, xe ô tô, tàu, thuyền và các tài sản khác (không phải là bất động sản, xe ô tô, tàu, thuyền) có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc tài sản không xác định cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiếp nhận quản lý, sử dụng.

b) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh phê duyệt phương án đối với tài sản khác (trừ các tài sản thuộc thẩm quyền quy định tại điểm a, khoản 5 Điều này), động vật sống, động vật hoang dã, tài sản không xác định được chuyển giao cụ thể cho cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận quản lý, sử dụng.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt phương án đối với tài sản khác (trừ các tài sản thuộc thẩm quyền quy định tại điểm a, khoản 5 Điều này), động vật sống, động vật hoang dã, tài sản không xác định được chuyển giao cụ thể cho cơ quan, tổ chức, đơn vị (thuộc UBND cấp huyện) tiếp nhận quản lý, sử dụng.

5. Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết: Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý.

6. Tài sản của Quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện bị giải thể (theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP của Chính phủ): Người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản (quy định tại Điều 14) là người phê duyệt phương án xử lý.

7. Tài sản được đầu tư theo hình thức đối tác công tư được chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án: Người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản (quy định tại Điều 14) là người phê duyệt phương án xử lý.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc quản lý, sử dụng và xử lý tài sản công

1. Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu đối với tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định của pháp luật. Thống nhất quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương; công khai tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo về tài sản công, xử lý các hành vi vi phạm về tài sản công thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm thực hiện nghiêm nguyên tắc quản lý, sử dụng tài sản công quy định tại Điều 6 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định và phân cấp đảm bảo theo đúng quy định, thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về tiêu chuẩn, định mức, điều kiện, phương thức, trình tự, thủ tục, quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản pháp luật có liên quan.

Trong trường hợp bộ máy của cơ quan, tổ chức, đơn vị không đáp ứng được điều kiện thực hiện các nhiệm vụ theo quy định từ Điều 3 đến Điều 15 tại quy định này thì cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp thực hiện.

3. Ủy ban nhân dân các cấp và người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm:

a) Xây dựng quy chế quản lý, sử dụng đối với tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

b) Chỉ đạo tổ chức thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công tiết kiệm, có hiệu quả và đúng quy định của pháp luật;

c) Triển khai thực hiện đúng nguyên tắc, đúng thẩm quyền quy định về quản lý, sử dụng, xử lý tài sản công quy định tại quy định này và quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Đấu thầu và các văn bản khác có liên quan;

d) Hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý triển khai thực hiện việc quản lý, sử dụng, xử lý tài sản công lập hồ sơ, kê khai cập nhật Cơ sở dữ liệu Quốc gia về tài sản công theo đúng quy định. Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng, thực hiện đầu tư, mua sắm, khai thác, thuê, điều chuyển, thu hồi, thanh lý, cho thuê, bán, tiêu hủy và các hình thức xử lý tài sản công khác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý và quản lý tài chính theo quy định hiện hành.

đ) Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc tuân thủ quy định của pháp luật trong quản lý, sử dụng, xử lý tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; kịp thời xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm trong việc quản lý, sử dụng, xử lý tài sản công; đảm bảo việc quản lý chặt chẽ, sử dụng tiết kiệm, khai thác có hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí tài sản công.

4. Trường hợp văn bản dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

5. Trong quá trình thực hiện Nghị quyết, nếu có khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền./.